



Đồng hành và chia sẻ

SAMCO CITY 1.40

(21 CHỖ NGỒI, 19 CHỖ ĐỨNG)

POWERED BY ISUZU CRDI EURO IV



NHỊP SỐNG MỖI NGÀY

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN – TNHH MTV (SAMCO)
XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ Ô TÔ AN LẠC (SAMCO AN LẠC)

36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM
ĐT: (028) 38.752.033 - Fax: (028) 37.512.726 - www.samcobus.com.vn

ĐẠI LÝ:



SAMCO CITY I.40 E4

Ô tô khách thành phố Samco City I.40 E4 với bố trí 21 chỗ ngồi và 19 chỗ đứng phù hợp phục vụ cho các tuyến đường nội thành. Thiết kế khoang hành khách rộng rãi cùng các tiện nghi theo tiêu chuẩn đem lại sự thoải mái cho hành khách.

KHOANG HÀNH KHÁCH

Khoang hành khách rộng rãi, chỗ ngồi và chỗ đứng bố trí hợp lý, khoa học.



TAY NẮM

Đảm bảo an toàn cho hành khách khi xe vận hành.



KHOANG LÁI

Rộng rãi, trang bị tiện nghi. Hệ thống điều khiển khoa học, dễ thao tác.



CỬA GIÓ

Thiết kế kiểu xoay.



CỬA LÊN XUỐNG

Điều khiển bằng điện nhập khẩu từ Hàn Quốc.



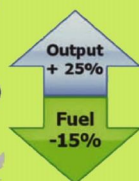
BÚA THOÁT KHẨN CẤP

Trang bị búa sự cố theo tiêu chuẩn.



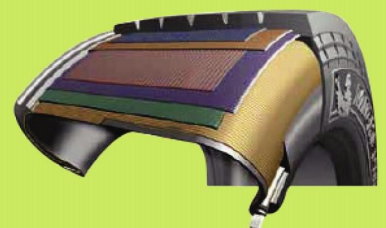
ĐỘNG CƠ

Động cơ 4JJ1E4NC tiêu chuẩn khí thải Euro IV tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường.



KHUNG XƯƠNG

Khung xương bằng thép mạ kẽm chất lượng cao.



LỚP XE MICHELIN

Hiệu suất tốt hơn so với bố nylon, độ bám ổn định bảo đảm cho sự an toàn, chi phí hoạt động thấp nhờ tăng tuổi thọ của lốp.



KÍNH CHÂN GIÓ
Thiết kế tinh tế, dễ quan sát.



HÀM HÀNH LÝ
Cốp hông và cốp sau bằng hợp kim nhôm chất lượng cao.



KÍNH CHIẾU HẬU
Kính chiếu hậu lớn, dễ quan sát.



DENSO DJP-S1

MÁY LẠNH
Máy lạnh Denso thương hiệu Nhật Bản.



QUẠT THÔNG GIÓ
Quạt thông gió hai chiều đồng thời là lối thoát hiểm.



PHỤ TÙNG
Cung cấp phụ tùng chính hãng.

XE KHÁCH (THÀNH PHỐ) SAMCO CITY 1.40 (21 CHỖ NGỒI + 19 CHỖ ĐỨNG) - 02 CỬA

KÍCH THƯỚC (mm)	DIMENSION (mm)
Kích thước tổng thể (DxRxC) Overall dimension (LxWxR)	7770 x 2150 x 3020
Chiều dài cơ sở Wheel base	3845
Bán kính vòng quay nhỏ nhất Minium turning radius	7060
TRỌNG LƯỢNG (KG)	WEIGHT (KG)
Trọng lượng không tải Kerb weight	4700
Trọng lượng toàn bộ Gross weight	7300
Số chỗ Seats (Include driver)	40 chỗ (21 chỗ ngồi + 19 chỗ đứng) (21 seats + 19 stands)
Cửa lên xuống Door	02 cửa, đóng mở tự động bằng điện 02 door opens automatically by electrical
Kiểu Style	Kiểu cửa đôi, loại 02 cánh mở vào trong Double doors, 02 door leafs open in inside
XE NỀN	CHASSIS ISUZU NPR
ĐỘNG CƠ	ENGINE ISUZU Euro IV
Kiểu Model	4JJ1E4NC
Loại	Diesel 4 kỳ, 4 xylanh thẳng hàng, làm mát bằng nước, tăng áp
Type	Diesel, 4 Stroke cycle, 4 Cylinder in line, DOHC, common rail, Water cooled, with Turbo
Dung tích Xy-lanh Displacement (cc)	2999
Tỷ số nén Compression ratio	17,5 : 1
Đường kính x Hành trình piston Bore x stroke (mm)	95,4 x 104,9
Công suất tối đa (Kw/vòng/ph) Max Power (Kw/rpm)	91 / 2600
Momen xoắn cực đại (Nm/vòng/ph) Max torque (Nm/rpm)	354 / 1500
Dung tích thùng nhiên liệu (lít) Fuel tanks capacity (liter)	90
TRUYỀN ĐỘNG	TRANSMISSION
Ly hợp Clutch	1 đĩa ma sát khô; Dẫn động thủy lực, trợ lực chân không
Loại hộp số Transmission Type	Dry single plate; Hydraulic operation with vacuum servo assistance
Tỷ số truyền Gear ratio	MY6S, 6 số tiến + 1 số lùi 6 forward + 1 reverse
	5,979 – 3,434 – 1,862 – 1,297 – 1,000 – 0,759 – R:5,701
HỆ THỐNG LÁI	STEERING
Kiểu	Trục vít, Ecu-bi, trợ lực thủy lực, điều chỉnh được độ nghiêng và độ cao thấp
Type	Ball-nut type with intergal hydraulic power booster, Tilt & Telescopic
HỆ THỐNG PHANH	BRAKE
Phanh chính Service Brake	Kiểu tang trống, mạch kép thủy lực, trợ lực chân không
	Drum brake, hydraulic with vacuum servo assistance, dual circuit
Phanh tay Parking Brake	Kiểu tang trống, dẫn động cơ khí, tác động lên trục thứ cấp hộp số
	Drum brake, mechanical acting on output shaft
Phanh phụ Exhaust Brake	Tác động lên ống xả
	Air actuated operated, butterfly valve type
HỆ THỐNG TREO	SUSPENSION
Trước/Sau Front/Rear	Phụ thuộc, nhíp lá, thanh cân bằng, giảm chấn bằng ống thủy lực hình trụ
	Dependent, semi – elliptic leaf springs, Tubular hydraulic shock absorber
LỚP XE – Trước/Sau	TIRE - Font/Rear
Lốp xe Michelin 7.50 R16 14PR	Michelin 7.50 R16 14PR
HỆ THỐNG ĐIỆN	ELECTRICAL SYSTEM
Điện áp Rated voltage	24V
Ắc quy Battery	2 x (12V - 100AH)
ĐIỀU HÒA	AIR CONDITIONER
Hiệu/Kiểu Manufacturer/ Model	Denso/DJP-S1 (14000 Kcal/hr), quạt hút fans
CÁC TIỆN NGHI	ACCESSORIES
Thiết bị giải trí Audio and video system	DVD-04 loa DVD-04 speakers
TRANG BỊ	EQUIPMENT
Trang thiết bị tiêu chuẩn khác	Chuông báo dừng, Bình cứu hỏa, Kính chắn gió trước có bố trí chỗ lắp bằng đèn led;
Other standard equipment	Có dây nguồn chờ để lắp đèn led kính sau; Tay vịn, tay nắm treo theo tiêu chuẩn.
	Stop bells, fire extinguisher, box for Led plate, handrails.
Lưu ý: Thông số kỹ thuật, trang bị có thể thay đổi mà không cần báo trước	Specifications could be changed without notice
Thời hạn bảo hành: 12 tháng hoặc 100.000km	Warranty period: 12 months or 100.000 kms.

